

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST

Ngày 17/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Hà Ứng Cương**

2/ Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST– HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thanh H (Trần Văn H); sinh năm 1978 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh K; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn M (Chết) và bà Nguyễn Thị B (Chết); Vợ tên Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Con ruột có 02 người: lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại để điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Ông **Hoàng Văn Đ**; sinh năm 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 27, đường Mai Thị Hồng H, khu phố 1, phường L, thành phố G, tỉnh K.

Người làm chứng: Anh **Trần Xuân L1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/6/2021, Trần Thanh H đi bộ từ nhà ở ấp T, xã A, huyện T, tỉnh G đi ra hướng Cầu Cái Lớn. Khi đi ngang qua sà lan bơm cát KG-01376 đậu cặp bờ ở trên sông Cái Lớn thì trông thấy ông Hoàng Văn Đ đang nằm ngủ ở khu vực phòng dưới ca bin. H liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi xuống sà lan lén lút tiếp cận ông Đ. Xuống sà lan, H nhìn thấy ông Đ đang ngủ, trên bụng có để một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen nên lén lút lấy trộm điện thoại rồi đi lên bờ. Khi H đang đi lên bờ thì gặp ông Nguyễn Văn D đang đi xuống hướng sà lan, đồng thời ông Đ đang nằm ngủ cũng tỉnh dậy và phát hiện điện thoại di động đã bị mất. Lúc này, ông Đ nhìn thấy H đang đi từ bến lên đường đi nên nghi vấn H lấy trộm điện thoại và cùng anh Trần Xuân L1, tri hô đuổi theo phía sau. Lúc này, H đưa điện thoại di động cho em ruột Trần Văn P. Một lúc sau, ông Đ và anh L1 đuổi kịp giữ H lại và trình báo công an. Buổi trưa cùng ngày, P đã lấy điện thoại OPPO A31 màu đen đem đi cầm cố tại tiệm điện thoại “Sài Gòn Mobile” của bà Trần Thị Ngọc L tại số 27, đường H, khu phố 1, phường L, thành phố G được số tiền 1.800.000 đồng. Sau đó, bà L biết được điện thoại trên là do bị cáo lấy trộm nên đã tự nguyện giao nộp. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Thanh H thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

* **Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 27/KL-HĐĐGTS, ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận:** “01 (một) điện thoại di động OPPO A31 màu đen, dung lượng 128GB, số IMEI 1: 860646041059311; số IMEI 2: 860646041059303 tại thời điểm tháng 6/2021 là **3.742.600 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng)**”.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

* **Vật chứng trong vụ án:** 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, dung lượng 128GB; số IMEI 1: 860646041059311; số IMEI 2: 860646041059303, mua vào năm 2020, đã qua sử dụng. Đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Hoàng Văn Định.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bà Trần Thị Ngọc L yêu cầu bị cáo Trần Thanh H trả lại số tiền 1.800.000 đồng là tiền bà đã cầm cố điện thoại di động. Bị cáo đồng ý nhưng hiện nay chưa khắc phục.

Đối với Trần Văn P là người đã nhận điện thoại từ bị cáo đem đi cầm cố. Sau khi sự việc xảy ra, P đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh và thông báo truy tìm nhưng chưa làm việc được. Khi nào làm việc được với P, có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-CT ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo **Trần Thanh H** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Trần Thanh H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thanh H** từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo Trần Thanh H phải trả lại cho bà Trần Thị Ngọc L số tiền 1.800.000đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 19/6/2021, tại sà lan bơm cát KG-01376 đang neo đậu cặp bờ ở trên sông Cái Lớn thuộc ấp T, xã A, huyện T, tỉnh G, Trần Thanh H đã lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen của ông Hoàng Văn Đ. Điện thoại qua định giá có giá trị 3.742.600 đồng (**Ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm đồng**).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm điện thoại có giá trị 3.742.600 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người trưởng thành nên có đủ nhận thức biết rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra, thế nhưng chỉ vì tham lam nên khi đi ngang qua sà lan bơm cát KG-01376 đang neo đậu cặp bờ ở trên sông Cái Lớn nhìn thấy ông Đ đang ngủ ở khu vực phòng dưới ca bin, trên bụng có để một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đen nên lén lút lấy trộm điện thoại rồi đi lên bờ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân tại địa phương, gây mất an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã trả lại 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu OPPO A31 màu đen, dung lượng 128GB; số IMEI 1: 860646041059311; số IMEI 2: 860646041059303, đã qua sử dụng cho chủ sở hữu và do ông Định không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với người có quyền lợi liên quan bà Trần Thị Ngọc L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền là 1.800.000 đồng, ngoài ra bà L không yêu cầu gì thêm bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên theo yêu cầu của bà L nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh Hùng phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh H** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cấp chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Trần Thanh H phải trả lại cho bà L với số tiền 1.800.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và người liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong